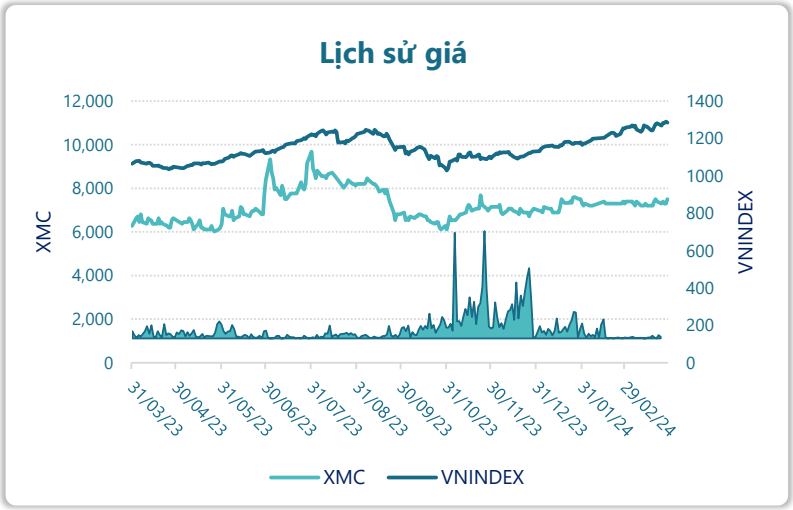
FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai (UPCOM: XMC)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,680
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,017
SL cổ phiếu LH	71,403,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,135
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	536
P/E	10.4
EPS	718

DT thuần

Q1/24

474

tỷ VNĐ

QoQ: ▼391| -45.2%

YoY: ▲ 240| 103%

LN sau thuế

Q1/24

-5.52

tỷ VNĐ

QoQ: ▼51.2| -112%

YoY: ▲ 2.30| 29.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

8.4%

+/- YoY: ▼ 2.3%

DT thuần

2023

2,188

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 221| 11.2%

LN sau thuế

2023

42.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼24.0| -36.2%

ROE

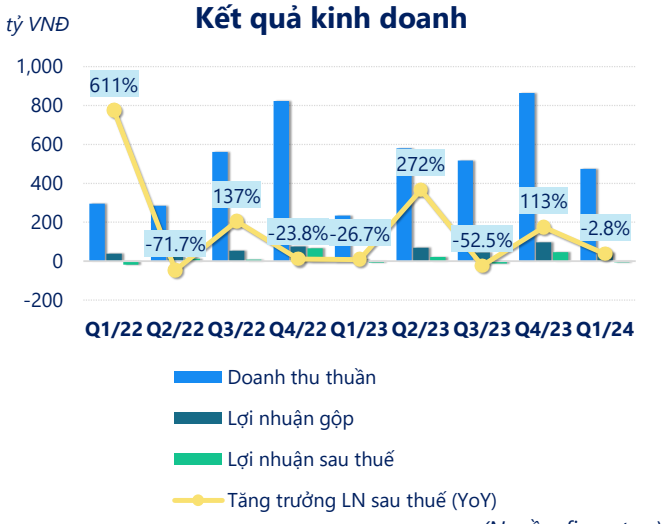
2023

4.9%

+/- YoY: ▼ 2.3%

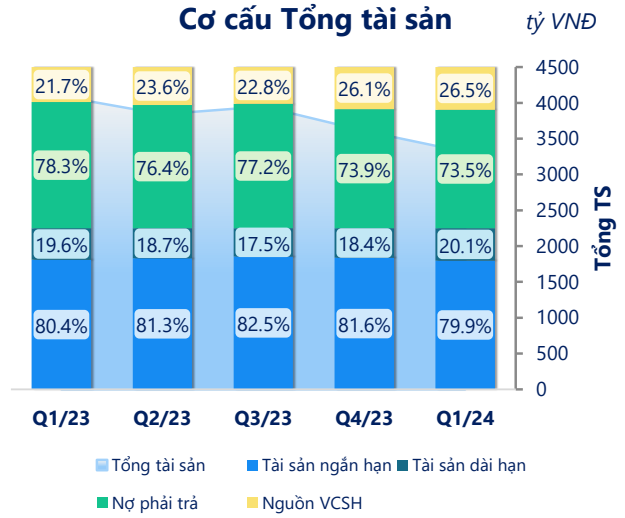
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



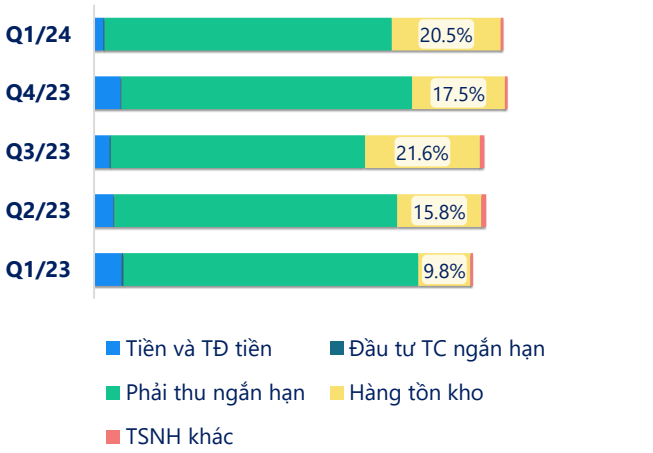
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



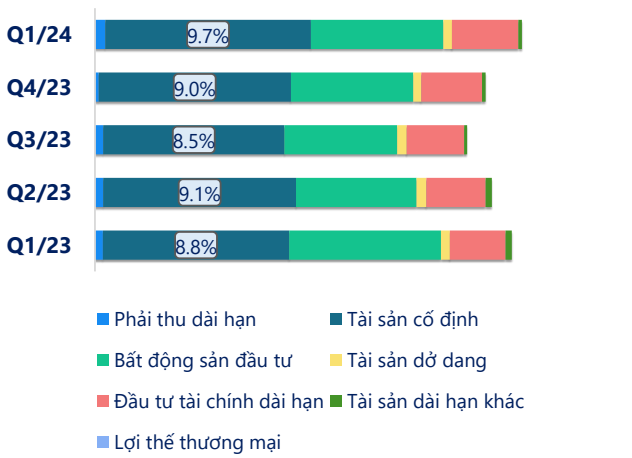
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



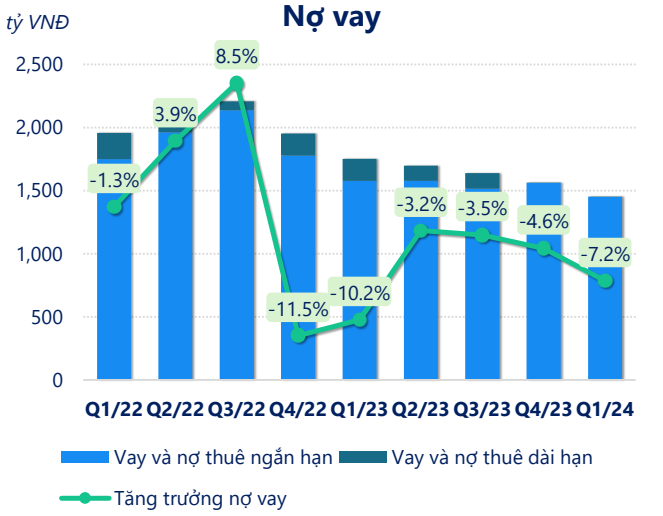
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



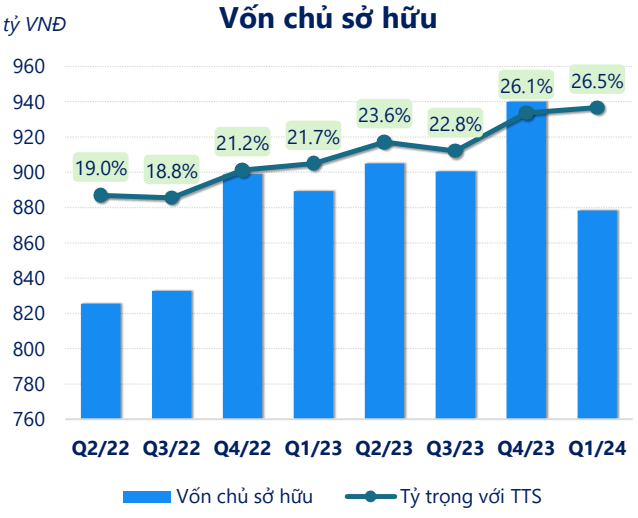
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



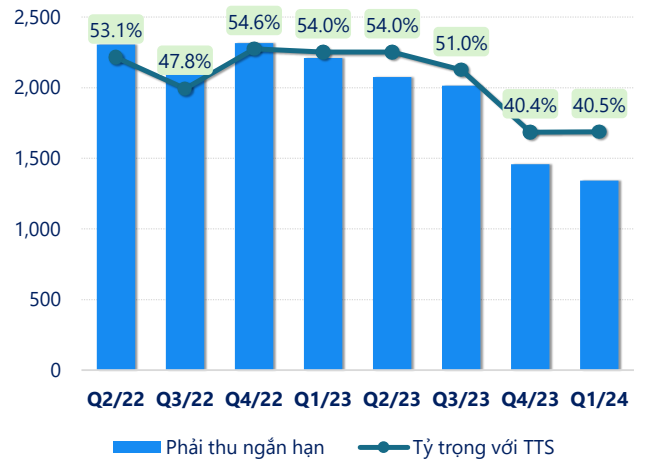
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



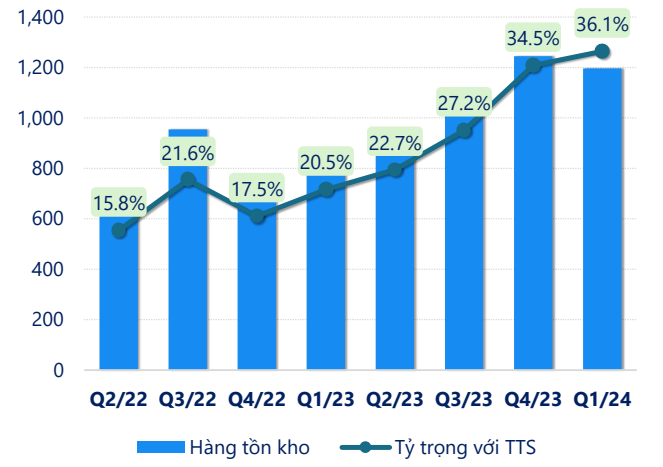
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



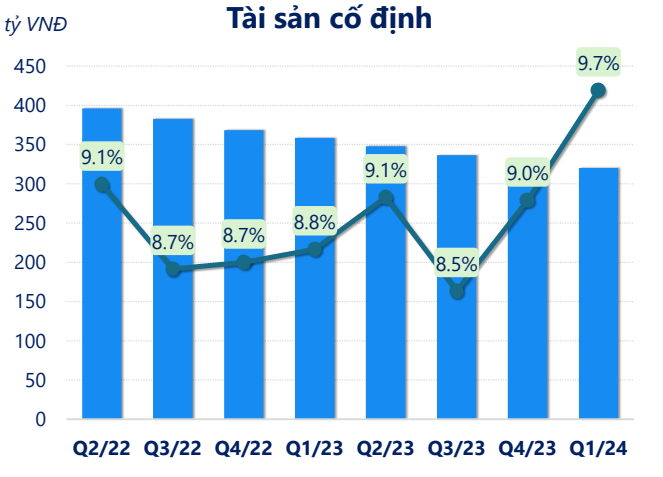
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



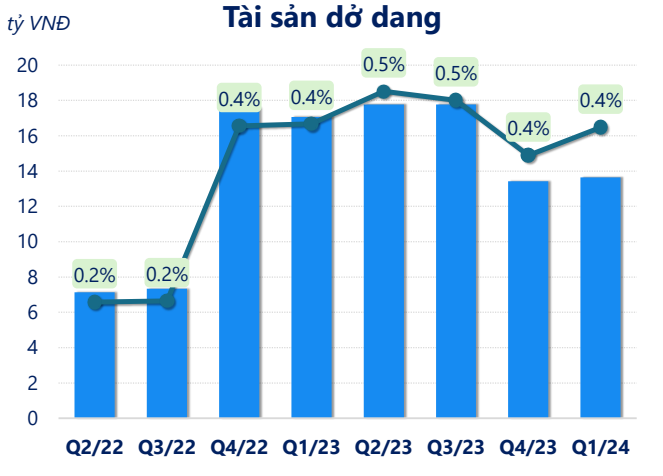
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



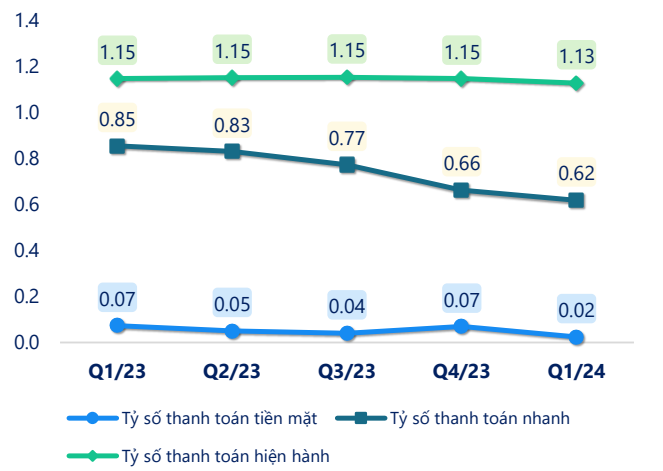
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



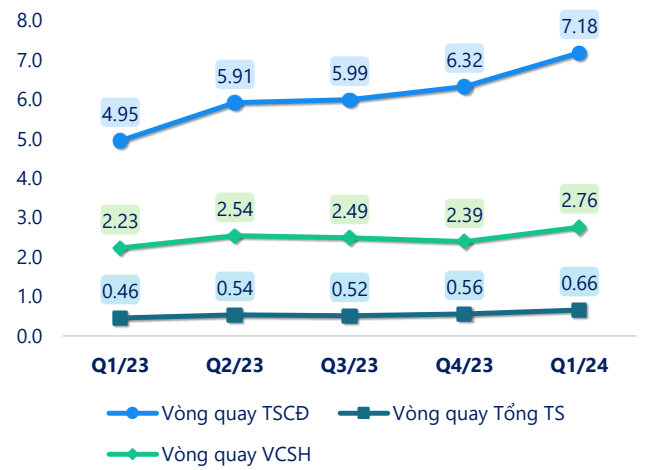
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**4,092**	**3,839**	**3,947**	**3,607**	**3,313**
Tài sản ngắn hạn	**3,290**	**3,123**	**3,257**	**2,945**	**2,648**
Tiền và tương đương tiền	210	138	114	178	56.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.1	11.1	11.1	1.04	10.0
Phải thu ngắn hạn	2,211	2,075	2,013	1,458	1,341
Hàng tồn kho	838	872	1,073	1,245	1,197
Tài sản ngắn hạn khác	20.5	27.0	45.4	62.7	43.8
Tài sản dài hạn	**802**	**716**	**691**	**662**	**665**
Phải thu dài hạn	15.1	15.1	15.1	6.14	16.1
Tài sản cố định	359	348	337	326	320
Bất động sản đầu tư	292	218	209	208	206
Tài sản dở dang	17.1	17.8	17.8	13.4	13.6
Đầu tư tài chính dài hạn	107	107	107	103	103
Tài sản dài hạn khác	12.3	10.9	5.57	5.84	5.53
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,202**	**2,934**	**3,047**	**2,667**	**2,435**
Nợ ngắn hạn	**2,868**	**2,712**	**2,825**	**2,566**	**2,349**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,577	1,577	1,517	1,562	1,450
Phải trả người bán ngắn hạn	607	513	713	536	497
Nợ dài hạn	334	222	222	101	86.5
Vay và nợ thuê dài hạn	176	121	121	1.14	0.93
Nguồn vốn chủ sở hữu	**889**	**905**	**900**	**940**	**878**
Vốn chủ sở hữu	**889**	**905**	**900**	**940**	**878**
Vốn điều lệ	674	674	674	674	714
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)